TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2021/HNGĐ – ST
Ngày: 05-3-2021
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tố Nữ;
2. Ông Lê Văn Khanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Gấm, cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 623/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Lê Thị Ngọc L; Sinh năm: 1988

Địa chỉ: phường H, quận TB, Thành phố H.

(Bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: ông Phạm Thành L; Sinh năm: 1991

Địa chỉ: phường BHH, quận BT, thành phố H.

(Ông L vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 08 tháng 5 năm 2020 của bà Lê Thị Ngọc L và bản tự khai của đương sự tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc L trình bày: bà và ông Phạm Thành L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 251 do Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2016. Sau đó, ông bà phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, ông L không lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc gia đình, đánh bà và hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: có 01 con chung tên Phạm Hiếu LH, sinh ngày 25/12/2017. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Phạm Thành L vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc L có đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Thành L vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Nguyên đơn là bà Lê Thị Ngọc L xin ly hôn với bị đơn ông Phạm Thành L. Ông L cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn là bà Lê Thị Ngọc L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn ông Phạm Thành L vắng mặt không có lý do. Căn cứ

khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[4] *Về nội dung*: Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Ngọc L đối với ông Phạm Thành L. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 251 do Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2016 cấp cho bà Lê Thị Ngọc L và ông Phạm Thành L thì quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông L là hợp pháp. Căn cứ vào Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định " Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình", nhưng giữa bà L và ông L đã không làm được điều này, không có sự yêu thương, chăm sóc nhau. Hai ông bà đã ly thân từ tháng 8 năm 2019 đến nay. Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Đồng thời, ông L cũng không cung cấp, giao nộp các chứng cứ và vắng mặt trong các buổi hòa giải theo thông báo của Tòa án, chứng tỏ ông L không quan tâm đến việc hàn gắn gia đình với bà L. Điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông L đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà L yêu cầu được ly hôn với ông L, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông L.

[5] Về con chung: có 01 con chung tên Phạm Hiểu LH, sinh ngày 25/12/2017. Do trẻ LH còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ hơn và hiện nay bé đang sống với mẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin trực tiếp nuôi con của bà L.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: bà L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: bà Lê Thị Ngọc L chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 19, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc L.

1.Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị Ngọc L được ly hôn với ông Phạm Thành L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 251 do Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2016 cấp cho bà Lê Thị Ngọc L và ông Phạm Thành L không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: có 01 con chung tên Phạm Hiếu LH, sinh ngày 25/12/2017. Giao trẻ LH cho bà Lê Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng khi con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: bà L xác nhận không có. Khi nào có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

5. Về án phí: bà Lê Thị Ngọc L chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0065491 ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Ngọc L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bà Lê Thị Ngọc L và ông Phạm Thành L vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Yến